



ĐỐI DIỆN VỚI CHỦ NGHĨA THỰC DỤNG MỸ

Nguyễn Tiến Dũng

Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế, 77 Nguyễn Huệ, Huế, Việt Nam

Tóm tắt: Chủ nghĩa thực dụng là đặc sản tinh thần của nước Mỹ. Không ít nhà nghiên cứu đã cho rằng chủ nghĩa thực dụng là lịch sử thu gọn của nước Mỹ từ khi phát hiện ra châu Mỹ đến những năm đầu thế kỷ XX. Với nước Mỹ, chủ nghĩa thực dụng là một trong những nhân tố làm nên tính cách Mỹ và văn hoá Mỹ. Với thế giới, chủ nghĩa thực dụng là một trào lưu triết học lớn và một phân mảng của văn hoá phương Tây hiện đại. Vì thế, đối diện khách quan với chủ nghĩa thực dụng Mỹ là đảm bảo tính khoa học cho các tiếp cận về người Mỹ, nước Mỹ và văn hoá Mỹ.

Từ khóa: chủ nghĩa thực dụng, tính cách Mỹ, văn hóa Mỹ

1. Mở đầu

Chủ nghĩa thực dụng ra đời tại *Câu lạc bộ siêu hình học* của trường Đại học Cambridge vào năm 1872. Sự khởi sinh và phát triển của chủ nghĩa thực dụng gắn liền với tên tuổi của *Charles Sander Peirce* (1839–1914), *William James* (1842–1910) và *John Dewey* (1859–1952).

Chủ nghĩa thực dụng “Hon một thế kỷ nay nó luôn luôn được coi là tượng trưng lý luận về tinh thần và lối sống của dân tộc Mỹ, có triết gia thậm chí cho rằng, thực tế nó có ý nghĩa triết học chuẩn quốc gia của Mỹ. Sờ dĩ chủ nghĩa thực dụng có địa vị quan trọng như thế ở Mỹ, bởi lẽ nó thể hiện đặc điểm phát triển của chủ nghĩa tư bản Mỹ và đời sống Mỹ ” [4.Tr 312]

Trong thời gian chiến tranh lạnh (1945–1991), các học giả Xô viết và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu đã không thực sự khách quan khi đánh giá chủ nghĩa thực dụng Mỹ. Ở Việt Nam cũng không phải là biệt lệ. Không những vậy, ở nước ta còn có tình trạng đánh đồng chủ nghĩa thực dụng Mỹ là một trào lưu triết học với lối sống thực dụng thông thường làm mất đi những ý nghĩa khoa học chân thực của nó.

Mục đích của bài viết này là muốn giảm thiểu cách nhìn nhận *như thế* về chủ nghĩa thực dụng và *hiệu chỉnh* một số bài viết của tác giả về chủ nghĩa thực dụng Mỹ trong tình hình hiện nay. Bài báo cũng là gợi ý khoa học cho việc giảng dạy triết học phương Tây hiện đại trong các trường Đại học Việt Nam.

2. Nội dung

Charles Sander Peirce (1839–1914) không thể tưởng tượng được rằng mình đã đặt nền móng để tạo ra một trường phái triết học cắm sâu vào dòng chảy nhân sinh Mỹ. Gần một trăm năm nay, những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa thực dụng đã được đa số người Mỹ coi là tiêu chuẩn suy nghĩ và hành động. Chủ nghĩa thực dụng không chỉ là trục trung tâm của vòng xoay giá trị Mỹ mà còn là *sức nặng* của *Mỹ hoá* (Americanisation) và làm hạ nhiệt những giá trị truyền thống văn hoá của châu Âu ở nước Mỹ.

Tính độc đáo, *cái bản sắc* (identity) của một trào lưu triết học là do bối cảnh lịch sử quy định. Ở đó là sự thống nhất biện chứng của điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan. Chủ nghĩa thực dụng là đặc sản tinh thần của nước Mỹ, là sản phẩm duy nhất và chỉ có thể là của nước Mỹ trong một tổ hợp quan hệ do hoàn cảnh lịch sử, con người, kinh tế, văn hoá của nước Mỹ từ 1492 (năm Christopher Columbus phát hiện ra châu Mỹ) kéo dài đến tận những thập niên đầu của thế kỷ XX.

2.1. Những nhân tố hình thành chủ nghĩa thực dụng

2.1.1. *Nước Mỹ – Melting Pot*¹. Việc phát hiện ra châu Mỹ đã khiến cho người ta phải vẽ lại bản đồ thế giới với sự *chêm chệch* của một *Tân thế giới*. Sự xuất hiện của Tân thế giới đã đánh tan những nghi ngờ về một vùng đất chưa nhận được sự *mặc khải* của Thiên Chúa.

Miền đất hứa ấy ngay lập tức đã nhận được sự quan tâm đặc biệt của châu Âu từ hai phía. Các quốc gia của *lục địa già* vừa thoát khỏi “đêm trường Trung cổ” bước vào thời kỳ Phục hưng với khát vọng khám phá những tuyến đường mới trên biển để mở rộng biên thùy. Vì thế, quá trình *Âu hoá* Tân thế giới như là một tất yếu để khai thác những tinh lực nguyên sinh của vùng đất mới này.

Trong khi đó, một bộ phận cư dân châu Âu hướng về châu Mỹ với mong muốn được đảo hoán danh phận của mình. Những cư dân châu Âu đầu tiên đặt chân lên nước Mỹ từ buổi hoang sơ là người Tây Ban Nha. Nối theo bước chân người Tây Ban Nha là người Pháp, người Hà Lan, người Thụy Điển và sau cùng là người Anh. Dù thành phần *xuống thuyền* đứt áo ra đi của những người di dân là khác nhau, nhưng họ đều chung một mục tiêu cao nhất là kinh tế. Xếp sau đó là “tránh sự đàn áp tôn giáo, tránh các cuộc khủng bố hoặc đàn áp chính trị trong nước”. Do vậy, xuống thuyền là chấp nhận, là phó thác thân phận của mình cho Thiên Chúa để hướng về *Tiếng gọi nơi hoang dã*. Nơi ấy không dành cho những người yếu bóng vía và thiếu bản lĩnh.

¹Melting – pot có nghĩa là nơi mà di dân nhiều nơi kéo về tụ lại, hay là điểm cuối cùng mà các hướng di dân kéo đến định. Melting- pot còn có nghĩa là nồi hầm nhừ. Dân “*từ chiêng*” tụ lại trong cái nồi ấy được ninh nhừ để ra một chùng loại duy nhất: *Người Mỹ*. *Hợp chúng Quốc Hoa kỳ* cũng từ đó mà ra

Những người di dân không chỉ có *máu liêu* mà còn gói theo cả kho tàng giá trị bản địa khi đến miền quê mới vì người ta không thể sống thiếu những giá trị tinh thần. Tuy nhiên, lẽ thói cũ đó không thể phát huy trong không gian mới.²

Alexis de Tocqueville (1805–1859), tác giả của *Nền dân trị Mỹ* (Democracy in America) từng có một khẳng định đáng lưu ý rằng cho đến thập niên năm mươi của thế kỷ XIX, nước Mỹ vẫn chưa có triết học riêng của mình.

Sự ra đời của chủ nghĩa thực dụng Mỹ, không phải ngày một ngày hai, mà là cả một quá trình *tích tụ lượng triết học* mấy trăm năm để tạo bước nhảy tạo cho sự ra đời chất mới của triết học. *Bởi thế, suy tư triết học được bồi đắp bằng độ lâu của thời gian*. Sự xuất hiện của các triết gia bao giờ cũng chung số phận với sự phát triển của một xã hội và là biểu trưng cho những gì tinh túy nhất của đất nước, của dân tộc đó mà nó nảy sinh: *“Các triết gia không phải những cây nấm mọc trên đất. Họ là sản phẩm của thời đại mình, của dân tộc mình, mà những tinh lực tinh túy nhất, quý giá nhất và khó nhìn thấy nhất đã được suy tư trong các khái niệm triết học”* [2.tr 156]

2.1.2. Quy luật phát phát triển cho thấy để có những giá trị mới thì phải thiết lập hệ chuẩn mới. Chính vì thế mà W. James quan niệm chủ nghĩa thực dụng Mỹ là *một cái tên mới cho những cách tư duy cũ* (Pragmatism: A new name for old ways of thinking).³

Nếu người ta đã từng vinh danh Socrates (469–399), người đã kéo triết học từ chín tầng trời về với con người ở trên mặt đất thì chủ nghĩa thực dụng muốn triết học phải được chiết xuất ra từ kinh nghiệm sinh tồn của con người. Hay triết học là kinh nghiệm, không gì khác hơn là kinh nghiệm triệt để. Bởi thế nhà thực dụng cho rằng triết học thời kỳ cận đại là một di sản quá nặng về tính hàn lâm nên thiếu tính linh hoạt trong hiện thực. Đó là thứ triết học mà các nhà triết học có thể giải quyết những vấn đề trên mây khi họ đang sống nhờ những giá trị chân thực từ mặt đất. Vì thế, chủ nghĩa thực dụng không nhất thiết phải sa vào những vấn đề có tính nhị nguyên, các vấn đề mà triết học truyền thống xem trọng. Tuy vậy, không nên cho rằng chủ nghĩa thực dụng phủ định sạch trơn giá trị triết học cận đại.⁴

Soi vào chủ nghĩa thực dụng, người ta dễ dàng tìm thấy *hình bóng* của các triết gia coi trọng kinh nghiệm (chủ nghĩa kinh nghiệm) và các triết gia đề cao lý tính (chủ nghĩa duy lý) làm đối trọng cho sự vươn vượt của chủ nghĩa thực dụng như R. Descartes (1596-1650), F. Bacon (1561-1626), B. Spinoza (1632–1677), J. Locke (1632-1704), G. Berkeley (1683–1753), D. Hume (1711-1776), I. Kant (1724-1804), J. S. Mill (1805-1873); G. Boole (1815-1864), F. Nietzsche (1844-1900)...

² Nguyễn Thái Yên Hương (2005), *Liên bang Mỹ: Đặc điểm xã hội – Văn hoá*, Nxb VH- TT, Hà Nội. Tr 99

³ *Pragmatism: a new name for old ways of thinking*, là một tác phẩm của W. James, Phát hành lần đầu 1907

⁴ Với chủ nghĩa thực dụng mọi cái đều là chân lý khi nó chưa sai (W. James). Chẳng hạn Ptolemy (100- 170) cho trái đất là trung tâm và mặt trời xoay xung quanh trái đất. Quan điểm đó là đúng, là chân lý cho đến khi Copernicus (1473- 1543) đưa ra thuyết Nhật tâm

2.1.3. Sự ra đời và phát triển của một trào lưu triết học không thể tách rời với các thành tựu của khoa học tự nhiên đương đại.

Thế kỷ XIX là thời kỳ phát triển đột biến của khoa học tự nhiên. Thuyết tiến hoá của Darwin đã nổi lên như ngọn cờ định hướng. Những thành tựu của khoa học tự nhiên đã làm thay đổi khối lượng kiến thức chuyên sâu trong các ngành hoá học, lý học, sinh học, địa chất học, tâm lý học... Bản thân những người sáng lập ra chủ nghĩa thực dụng Mỹ phần lớn là nhà khoa học tự nhiên và am tường về nhiều lĩnh vực. Chẳng hạn, C.S. Peirce là tác giả của nhiều trước tác lý học, hóa học, số học, lô gíc; W. James không chỉ là tiến sỹ y khoa mà còn uyên thâm về tâm lý học, sinh lý học ở trình độ Giáo sư Đại học...

2.2. Những nhà thực dụng khai sơn, phá thạch

2.2.1. Trước hết, cần phải khẳng định rằng C.S. Peirce là người đặt gạch xây móng chủ nghĩa thực dụng Mỹ nhưng chỉ dừng lại ở mong muốn khởi sinh ra một lý thuyết làm giảm thiểu đi sự xa lệch giữa lý luận và hiệu quả thực tiễn của nó trong đời sống con người. Chú không phải một học thuyết về hành động và hậu quả thực tiễn như quan niệm của W. James. “Ý nghĩa chủ yếu của triết học Peirce chính là ông đã vượt qua của mô hình tư duy triết học cũ. [4.tr 316] Bằng chứng là ông muốn đổi từ *Pragmatism* thành *Pragmaticism*. Nghĩa là từ *chủ nghĩa thực dụng* sang *chủ nghĩa thực hiệu*. Theo ông, *Pragmaticism* là một thuật ngữ xấu xí nên sẽ không bị người ta bóp méo, xuyên tạc.

Dấu ấn thực dụng của Peirce thể hiện ở *Làm thế nào để tư tưởng của chúng ta trở nên rõ ràng* (How to Make Our Ideas clear) và *Xác định niềm tin* (The Fixation of Belief). Những nhà nghiên cứu đã tìm thấy đường dẫn lý luận thực dụng của Peirce: “*Nếu người ta có thể định nghĩa một cách chính xác tất cả những hiện tượng thực nghiệm có thể hiểu được mà sự xác nhận hay phủ nhận khái niệm có thể ám chỉ, thì người ta sẽ có một định nghĩa đầy đủ về khái niệm* (If one can define accurately all the conceivable experimental phenomena which the affirmation or denial of concept could imply, one will have a complete definition of the concept).

Sở dĩ đó là *đường Link* lý luận thực dụng của Peirce vì ông đã lý giải như thế nào là một khái niệm (concept), một tư tưởng (idea) rõ ràng. Khái niệm rõ ràng là một khái niệm *được định nghĩa một cách chính xác, hiểu một cách đầy đủ và có thể thực nghiệm*.

Từ đó, Peirce phê phán tư tưởng hoài nghi của R. Descartes, ngọn cờ của chủ nghĩa duy lý, là sản phẩm của lý tính, thiếu tính thực tiễn. Nói cách khác, hoài nghi của R. Descartes là sản phẩm của hoài nghi sẽ lại sinh ra các hoài nghi khác. Vì thế, khó có thể là tư tưởng rõ ràng (idea clear), là phương pháp định hướng cho xác lập niềm tin. “Cốt lõi niềm tin là sự hình thành thói quen và những niềm tin khác nhau được phân biệt bằng các cách hành động mà những niềm tin đó gọi ra. Nếu các niềm tin không khác biệt nhau và chúng không giảm bớt sự hoài nghi đó bằng cách sản sinh cùng quy luật hành động thì sự khác biệt đơn thuần về phương diện ý thức của chúng có thể khiến chúng thành niềm tin khác nhau”.

Peirce cho rằng việc xác định niềm tin là sứ mệnh của triết học. Vì thế, xác định niềm tin là chất của triết học. Ở đâu có sự xác định niềm tin và niềm tin ấy mang lại hậu quả thực tiễn thì ở đó có triết học và ngược lại. Với ông, *niềm tin = thói quen* hay niềm tin chính là thói quen (vì niềm tin sẽ dẫn đến hình thành thói quen)⁵. Sự xuất hiện tình trạng hụt hẫng về niềm tin là do con người thiếu kinh nghiệm thực tế để đối phó và hoạt động có hiệu quả trong môi trường mới, hay điều kiện mới. (Vì con người chưa có thói quen). Ông đã khơi mào cho dòng chảy kinh nghiệm cá nhân. Theo Peirce, để xác lập niềm tin (niềm tin có đúng không) phải dựa vào hai tiêu chí là niềm tin ấy có dẫn đến hành động và có tạo ra kết quả như mong chờ hay không.

Nhiều người cho rằng lý luận của Peirce không có tính hệ thống nên những ý tưởng của ông nhiều khi chông chéo lên nhau, nhưng xét đến cùng phương pháp xác lập niềm tin chính là cái lõi của lý luận thực dụng của ông.

2.2.2. Về vị trí của W. James trong chủ nghĩa thực dụng Mỹ, ông ở vị thế trung tâm. W. James *đã khởi hành* lý luận của mình bắt đầu sự *thực dụng* ngôn từ. Ngôn ngữ ông dùng không bay bướm, trừu tượng⁶ mà dễ hiểu (hiệu quả) nên có sức hút với độc giả. Chẳng hạn, những khái niệm ý nghĩa, hiệu quả của Peirce đã được ông diễn đạt bằng ngôn từ *đại chúng* như “*lợi nhuận*” (profit), “*giá trị tiền mặt*” (cashvalue), “*kết quả*” (results)...

W. James cho rằng lý luận thực dụng của Peirce chưa đạt tới một siêu hình học mới (nói đúng ra thì mới manh nha) vì quan niệm của Peirce về kinh nghiệm chưa đạt tới chủ nghĩa kinh nghiệm và càng chưa chạm tới chủ nghĩa kinh nghiệm triệt để.

Gọi là chủ nghĩa kinh nghiệm triệt để (hay lý luận về siêu hình học mới) vì triết học chỉ nghiên cứu bản thân kinh nghiệm, không chấp nhận bất cứ nhân tố nào không được kinh nghiệm kiểm chứng và ngược lại.

Theo ông, chủ nghĩa kinh nghiệm triệt để là nền tảng của một siêu hình học mới, nhưng ông lại e ngại chủ nghĩa thực dụng của ông sẽ trượt vào vết xe truyền thống chỉ là cách thức đi tìm chân lý. Bởi thế ông khẳng định: *chủ nghĩa thực dụng không đại diện cho bất cứ kết quả đặc biệt nào. Chủ nghĩa thực dụng chỉ là một phương pháp xác định thái độ phương hướng thu nhận kết quả thực tế, là một phương cách hành động. Vì vậy, nó cũng là cách giải thích quá trình sản sinh ra chân lý.*

Không ít nhà Hoa Kỳ học đã cho rằng W. James là nhà nhân bản (Peirce là nhà luận lý) vì ông đã xây dựng chủ nghĩa thực dụng thành một phương pháp phổ quát, có thể xoá bỏ mâu thuẫn đối lập để đi đến tiếng nói chung, duy trì lợi ích của mọi người mà không xét đến *anh là*

⁵ Có một ông tướng luyện bắn cung và phát nào tên của ông cũng trúng hồng tâm. Ông tự đắc với bà bán dầu phụng đúng xem: Bà thấy tôi bắn giỏi không? Bà bán dầu trả lời: Giỏi gì chẳng qua là thói quen. Ông xem tôi rót dầu qua lỗ đồng tiền không ra ngoài một giọt. Có khác gì ông bắn cung

⁶ Người Mỹ thường *dị ứng* với sự dài dòng, trừu tượng. Đó là một trong những tính cách của người Mỹ. Xem Giao lưu văn hoá quốc tế (1990), *Văn hoá Mỹ và tính cách của người Mỹ*, Nxb Khoa học Xã hội – Viện thông tin khoa học Xã hội, Hà nội

ai (Vì đều là kết quả của melting pot). Phương pháp đó giống như hành lang chung của một khách sạn. Mọi người đến các phòng và rời khỏi các phòng đều phải cần đến nó. Nhà triết học Anh F.C.S. Schiller (1864–1937) xem quan niệm này là nhân văn nên đã đề nghị đổi chủ nghĩa thực dụng là chủ nghĩa nhân bản.

Tính ưu trội và độc đáo trong chủ nghĩa thực dụng của W. James là quan niệm của ông về chân lý với cốt lõi: chân lý là giá trị được xác lập trong khi Chân lý là cụ thể.

2.2.3.J. Dewey (1859–1952) là ngôi sao sáng trên bầu trời học thuật nước Mỹ những thập niên đầu của thế kỷ XX, người có biệt danh là “nhà thực dụng của chủ nghĩa tự do triết để”. Sở dĩ ông có biệt danh đó vì ông biết khơi dậy hai giá trị mà người Mỹ trân trọng nhất là tự do và dân chủ từ các quan điểm của chủ nghĩa thực dụng.

Chủ nghĩa thực dụng Dewey đã nâng tầm và hệ thống hoá chủ nghĩa thực dụng. Là nhà giáo dục, nhà tâm lý học, nhà đạo đức học, ông đã vận dụng triết để chủ nghĩa thực dụng vào các lĩnh vực đó. Quan niệm thực dụng của ông là sự bổ sung và tiếp nối tư tưởng thực dụng của C.S. Peirce và W. James.

Trên cơ sở chủ nghĩa kinh nghiệm triết để của W. James, Dewey đã xây dựng lý luận về chủ nghĩa kinh nghiệm tự nhiên (hay chủ nghĩa tự nhiên kinh nghiệm). Điểm tương đồng giữa chủ nghĩa kinh nghiệm triết để của W. James và chủ nghĩa kinh nghiệm tự nhiên của J. Dewey là ở chỗ là cả hai đều hướng tới khắc phục tư tưởng nhị nguyên trong triết học bằng việc xem kinh nghiệm là nền tảng của siêu hình học mới. Tuy vậy, do chịu ảnh hưởng từ thuyết tiến hoá của Darwin nên chủ nghĩa kinh nghiệm tự nhiên của J. Dewey nghiêng về giải thích cơ chế và ý nghĩa của loại chủ nghĩa kinh nghiệm này. Theo ông, sự sinh tồn của con người là quá trình thích nghi của cơ thể với môi trường. Đó là sự liên thông giữa con người và môi trường. Kinh nghiệm là thứ được tạo ra từ quá trình liên thông đó. Kinh nghiệm là cái tạo nên sự gắn kết giữa cơ thể và môi trường (chủ thể và đối tượng) thành một chỉnh thể, thành một dòng chảy liên tục do sự tiếp nối không ngừng nghỉ của mối quan hệ giữa cơ thể và môi trường. Đó cũng chính là cái làm nên giá trị (ý nghĩa) của một kinh nghiệm. “Thước đo giá trị của một kinh nghiệm lại nằm ở việc nhận ra các mối quan hệ hoặc tính liên tục mà kinh nghiệm nhắm tới”. [11.tr 170]

Kinh nghiệm không phải là thứ ở bên ngoài tự nhiên (như quan niệm của triết học truyền thống) mà là cái khởi sinh từ tự nhiên, là cái được lôi ra (có người gọi là được kéo ra) từ bên trong tự nhiên. Vì thế, kinh nghiệm là con đường liên tục là đi sâu vào trong lòng tự nhiên. Tính liên tục (để tạo thành kinh nghiệm mới) thông qua quan hệ tương hỗ cơ thể với môi trường đã vượt lên trên dòng ý thức của W. James. Dòng ý thức của W. James là cái nhìn của tâm lý học, kinh nghiệm thuần túy, là hiện tượng tinh thần. Còn kinh nghiệm của J. Dewey là cơ chế quy định hoạt động của con người với môi trường (đời sống, thực tiễn); do vậy, nó là kết quả của hành động, nói đúng hơn kinh nghiệm không gì khác hơn là một quá trình hoạt động.

Nhìn vào triết học của J. Dewey thì quan niệm *kinh nghiệm là một quá trình hoạt động* là nguyên tắc cơ bản của triết học. Từ nguyên tắc này, J. Dewey đề xuất không gọi triết học của ông là thực dụng mà gọi là *Triết học hành động, triết học thực tiễn, triết học đời sống*.

Từ quan niệm *kinh nghiệm là một quá trình hoạt động*, Dewey đi đến kết luận: tư tưởng, quan niệm, lý luận chỉ là những công cụ. Hiệu quả và giá trị của bất cứ công cụ nào không nằm ở chính nó mà tùy thuộc vào việc kết quả đó có mang lại thành công hay thoả mãn cho đối tượng hay không. Như vậy, chủ nghĩa thực dụng = chủ nghĩa công cụ và kết quả tác động của các công cụ (sự tạo ra hiệu quả từ các công cụ đó là nguyên nhân thành công của hành động) là tiêu chuẩn của chân lý.

Đến J. Dewey, hành trình kiến tạo một triết học mới đã định hình và đã được thực tế nghiệm sinh. Chủ nghĩa thực dụng đã trở thành một khuôn mặt triết học mới của thế giới. William McKinley (1843–1901), Tổng thống thứ 25 của nước Mỹ, khi nói về sự khác biệt giữa người Anh và người Mỹ đã cho rằng người Anh là người làm những gì đã từng làm, người Mỹ là người làm những gì họ chưa bao giờ làm là muốn ám chỉ rằng người Anh là bảo thủ. Người Mỹ là sáng tạo năng động. Sự hình thành chủ nghĩa thực dụng như là một minh chứng cho nhận xét này.

2.3. Những nguyên lý khởi sinh của chủ nghĩa thực dụng Mỹ

Peter A. Angeles đã chỉ ra 6 điểm căn bản của chủ nghĩa thực dụng:

1. Kiến thức bắt nguồn từ kinh nghiệm, phương pháp thử nghiệm và nỗ lực thực tế. Chủ nghĩa thực dụng phê phán suy đoán siêu hình trong quá trình tìm kiếm chân lý.
2. Kiến thức phải được sử dụng để giải quyết các vấn đề của các công việc thực tế, hàng ngày; để giúp thích ứng với môi trường của chúng ta. Suy nghĩ phải gắn liền với thực tiễn và hành động.
3. Các ý tưởng phải được xem xét đến các hậu quả của chúng (*kết quả, sử dụng*) vì tính chân thật và ý nghĩa của chúng. Các ý tưởng là các con đường dẫn tới hành động tích cực và tái tạo sáng tạo kinh nghiệm có xem xét và điều chỉnh theo kinh nghiệm mới.
4. Chân lý là cái có giá trị thực tiễn trong kinh nghiệm sống của chúng ta. Nó đóng vai trò là một công cụ, hoặc phương tiện, (a) để đạt được các mục tiêu của chúng ta và (b) trong khả năng của chúng ta để dự báo và lập kế hoạch cho tương lai để chúng ta sử dụng.
5. Chân lý là thay đổi, vô định và có tính chất tiệm cận.

6. Ý nghĩa của một ý tưởng (*lý thuyết, khái niệm, niềm tin*) cũng giống như (a) những cách sử dụng thực tế mà ý tưởng đó có thể đặt ra và (b) những hậu quả thực tế bắt nguồn từ nó [9.tr 238]⁷.

Trước hết, cần khẳng định Peter A. Angeles đã *chi tiết hoá* tư tưởng của chủ nghĩa thực dụng nhưng vẫn đảm bảo tính khả tín về mặt khoa học. Tuy vậy, nếu quy về các nguyên lý khởi sinh⁸ của hệ thống thì có hai nguyên lý chính: (1) kinh nghiệm cá nhân là khởi nguồn của mọi hành vi và (2) nhận thức của con người. Nói cách khác, kinh nghiệm cá nhân là nhân tố dẫn dắt hoạt động sinh tồn của con người. Thứ hai, hậu quả thực tế là giá trị cao nhất của một hệ thống triết học. Giá trị ấy có tính chất định lượng và có thể nghiệm sinh.⁹

Với hai nguyên lý khởi sinh này, chủ nghĩa thực dụng Mỹ đã hoàn thành việc lọc bỏ quan điểm nhị nguyên trong triết học. Tuy vậy, *Every bean has its black*.¹⁰ Chủ nghĩa thực dụng khi vượt lên đã làm *roi tuột* cả một truyền thống triết học. Vì thế, không thể dễ dàng cho rằng chủ nghĩa thực dụng là một bước nhảy đột biến về chất của triết học với quan niệm triết học là hệ thống quan điểm chung nhất về thế giới quan và nhân sinh quan mà chỉ nên dừng lại chủ nghĩa thực dụng là một triết học kiểu mới của nước Mỹ. Và cũng phải nhớ rằng ngay những nhà tiên phong sáng lập ra chủ nghĩa thực dụng cũng không phải một khối thống nhất trong quan niệm về thực dụng. Vì thế, những thảo luận khoa học về chủ nghĩa thực dụng, với tư cách là trào lưu triết học chưa thể dừng lại.

2.4. Ảnh hưởng của chủ nghĩa thực dụng ở Mỹ và thế giới

Chủ nghĩa thực dụng ra đời đã chấm dứt thời kỳ nước Mỹ thiếu triết học của mình và cũng chấm dứt luôn sự thống trị của văn hoá châu Âu đối với nước Mỹ. Người ta cho rằng địa

⁷Nguyên văn là : "1. Knowledge is Derived from experience, experimental methods, and practical efforts. Pragmatism is critical of metaphysical speculation in arriving at truth

2. Knowledge must be used to solve the problems of everyday, practical affairs; to help adapt to our environment. Thinking must relate to practice and action.

3. ideas must be referred to their consequences (*results, uses*) for their truth and meaning. Ideas are guides to positive action and to the creative reconstruction of experience in confronting and adjusting to new experiences.

4. truth is that which has practical value in our experience of life. It serves as an instrument, or mean, (a) in the attainment of our goals and (b) in our ability to predict and arrange the future for our use.

5. truth is changing, tentative and asymptotic.

6. The meaning of an idea (*Theory, concept, belief*) is the same as (a) the practical uses to which that idea may be put and (b) the practical consequences stemming from it"

⁸Trước đây tác giả gọi là những nguyên lý trực.

⁹ Nghiệm sinh là những kinh nghiệm có được do quá trình sinh tồn đưa lại. Một trong những khái niệm của chủ nghĩa hiện sinh

¹⁰Không có cái gì là hoàn hảo cả,

vị của nước Mỹ ngày nay một phần là có công của chủ nghĩa thực dụng. Nói như vậy cũng không có gì phải hiệu đính. K. Marx đã chỉ rõ những giá trị tinh thần có sức mạnh riêng của nó, nhất là khi nó thâm nhập vào quần chúng

Sau John Dewey, thoát nhìn chủ nghĩa thực dụng Mỹ dường như có sự *đứng yên tại chỗ* về mặt lý luận. Thực ra, chủ nghĩa thực dụng vẫn được ủ ấm ở các nước chờ cơ hội tái xuất với sự kết hợp mới. Đó chính là giao thoa để phát triển. Leopoldo Zea, nhà triết học Mexico đã khẳng định: “Những triết học đặc thù này trở thành phổ biến khi chúng nhận thức được triết học khác và là những thứ triết học khác có thể nhận thức được” [1.tr 30]. Ở Mỹ, chủ nghĩa thực dụng đã ngấm và thấm trong đời sống; vì vậy, mặt lý luận chưa cần bổ túc (*đó cũng chính là sự vận dụng quan điểm của chủ nghĩa thực dụng*).

Có thể nói, ngày nay chủ nghĩa thực dụng Mỹ hiện hữu trong mọi ngõ ngách của quan hệ nhân sinh và văn hoá Mỹ. Những lĩnh vực chủ nghĩa thực dụng thâm nhập sâu sắc và đưa lại những hậu quả thực tế *có thể nhìn thấy* (giáo dục, luật pháp, ngoại giao...) cho đến những lĩnh vực *khó thấy* (quân sự, quốc phòng)...

Nói tới giá trị Mỹ, các nhà nghiên cứu thường dẫn ba giá trị cơ bản là *E Pluribus Unum* (từ rất nhiều, một), *In God we trust* (Chúng ta tin vào Chúa) và *Liberty* (Tự do).

E Pluribus Unum là đặc điểm hình thành cư dân Mỹ, là tên gọi khác của *Melting pot*. *In God we trust* là sức mạnh của Chúa, của tôn giáo. Nước Mỹ là nước của Chúa.¹¹ *Liberty* là kết quả của *E Pluribus Unum* và *In God we trust* cộng hưởng mang lại. Sự ảnh hưởng của chủ nghĩa thực dụng đối với các giá trị Mỹ chính là ở chỗ là cho công dân Mỹ thói quen (niềm tin) và phương thức hành động để duy trì và phát triển những giá ấy, lập thành lối sống Mỹ và tính cách Mỹ thể hiện trong chủ nghĩa cá nhân Mỹ và con người tự lập thân (*Self made man*). Tuy vậy, cần phải khẳng định rằng giá trị Mỹ là giá trị được tạo ra ở Mỹ và hiện diện ở Mỹ. Nên giá trị đó không có tính toàn cầu và không phải nước nào cũng cần hướng tới giá trị đó¹².

Không chỉ *vấy vùng* trong nước, chủ nghĩa thực dụng đã nhanh chóng chuyển tải sức mạnh Mỹ ra khỏi biên giới Mỹ. Sự ảnh hưởng của chủ nghĩa thực dụng Mỹ lên thế giới chủ yếu thể hiện dưới các hình thức: sự xâm nhập của chủ nghĩa thực dụng về mặt học thuật, qua lối sống và văn hoá Mỹ. Người ta nói rằng chủ nghĩa thực dụng *cấy* vào các nước bắt đầu từ phim ảnh cao bồi miền Tây và vị ngọt có ga của Coca cola. Chủ nghĩa thực dụng xuất hiện ở Anh,

¹¹ Trong một bài diễn thuyết Tổng thống Trump đã khẳng định ý nghĩa và giá trị của *In God we trust* “Nước Mỹ luôn là mảnh đất của những giấc mơ bởi vì Mỹ là quốc gia của những tín đồ chân chính. Khi những người hành hương dừng chân tại Pylamouth, họ đã cầu nguyện. Khi các nhà lập quốc viết Bản tuyên ngôn Độc lập họ đã cầu khẩn Sáng Thế Chủ bốn lần. Bởi vì nước Mỹ không tôn thờ chính phủ, chúng ta tôn thờ Thượng Đế. Đó là lý do vì sao trên đồng tiền của chúng ta tự hào tuyên bố rằng “CHÚNG TA TIN VÀO THƯỢNG ĐẾ” và đó là lý do tại sao chúng ta tự hào tuyên bố rằng chúng ta là một quốc gia bên dưới Thượng Đế của mình.” [<https://www.dkn.tv/giao-duc/hoc-tieng-anh/bai-dien-thuyet-truyen-cam-hung-manh-me-cua-tong-thong-trump-dung-bao-gio-bo-cuoc.html>]

¹² Một Quốc vương Ả Rập đã nói : “chúng ta nhập khẩu kỹ thuật Mỹ nhưng không nhập khẩu lối sống Mỹ”. Hay Steve Jobs (1955-201): “Đừng để âm thanh của những quan điểm khác lấn át đi giọng nói bên trong của bạn” (Don’t let the noise of others opinions' drown out your own inner voice)

Pháp, Áo, Đức, Ý, Trung Quốc... Ngày nay, ở Mỹ và trên thế giới, chủ nghĩa thực dụng đã có thể hệ thứ hai với các tên tuổi như Susan Haack (1945), Jürgen Habermas (1929), Richard Bernstein (1932), và Cheryl Misak (1961).

Vào những thập niên đầu của thế kỷ XXI, thế giới đã chứng kiến sự *hồi sinh* mạnh mẽ của chủ nghĩa thực dụng ở Mỹ, Đức, Nga... cùng với những toan tính của chủ nghĩa dân tộc. Người khai mào là Tổng thống Mỹ Donald Trump khi ông chủ xướng *Nước Mỹ là trên hết*. Chủ nghĩa thực dụng đã lên ngôi các quan hệ kinh tế mà cuộc chiến thương mại Mỹ – Trung là một ví dụ điển hình.

Từ 1954 đến 1975, ở miền Nam Việt Nam có chủ nghĩa hiện sinh, chủ nghĩa thực dụng và phân tâm học. Do bối cảnh lịch sử tác động, chủ nghĩa thực dụng *bị xếp vào cửa dưới* so với chủ nghĩa hiện sinh và phân tâm học về mức độ phạm vi phổ biến. Chủ nghĩa thực dụng hiện diện trên sách vở, học thuật là chủ yếu trong khi chủ nghĩa hiện sinh, phân tâm học không dừng ở đó đã trở thành phong cách sống của một bộ phận thanh niên và trí thức miền Nam trước 1975.

Ngày nay, nước Mỹ đã trở thành đối tác quan trọng của Việt Nam. *Nước Mỹ đã là bạn*¹³. Người Việt Nam biết nước Mỹ không chỉ có chủ nghĩa thực dụng mà nước Mỹ có một nền văn hoá phong phú, đa dạng. Người Việt Nam cũng biết nước Mỹ vẫn có nhiều cái không Mỹ (đẹp), nhưng người Việt cũng biết rõ có một nước Mỹ là siêu cường về kinh tế và có nền khoa học phát triển nhất thế giới.

3. Kết luận

Ngày nay, chủ nghĩa thực dụng Mỹ *đã là một thành tố* của văn hoá Mỹ và chủ nghĩa thực dụng đã có sự lan toả và thâm nhập hầu hết các châu lục. Vì thế, trong chừng mực nào đó, chủ nghĩa thực dụng Mỹ là hình ảnh đại diện của nước Mỹ trên thế giới.

Chủ nghĩa thực dụng Mỹ là một lối rẽ so với triết học truyền thống vì xem trọng (nếu không muốn nói là tuyệt đối) vai trò của kinh nghiệm trong đời sống thực tiễn, trong nhận thức của con người. Kinh nghiệm theo chủ nghĩa thực dụng là thuộc tính ưu trội của con người. Kinh nghiệm ấy chính là *tri thức thực tế* nên phải tạo ra những hậu quả thực tiễn có thể kiểm chứng bằng cảm nhận hiện sinh. Vì vậy, định lượng quan trọng hơn định tính. Ý nghĩa của kinh nghiệm do kết quả định lượng mang lại.

Chủ nghĩa thực dụng Mỹ thực sự có ý nghĩa khi nó là một phương pháp để nâng cao hiệu quả thực tiễn trong hoạt động của con người. Về mặt này, chủ nghĩa thực dụng có nét ưu

¹³ Xem: Nguyễn Tiến Dũng (2016) *Chữ tâm giá trị cao nhất của văn hoá*, TC Thông tin Khoa học Xã, số 8 tr 13-20. Tác giả viết khi Tổng thống Hoa kỳ Obama sang thăm Việt Nam. Và hôm nay (27/2/2019) khi chúng tôi chuẩn bị khép lại bài viết này thì Hà Nội, Thủ đô của nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, là nơi diễn ra hội nghị thượng đỉnh Mỹ- Triều giữa Tổng thống Mỹ Donald Trump và Lãnh đạo tối cao Triều Tiên Kim Jong Un bắt đầu

việt, nhưng khi tuyệt đối hoá mặt này thì hiệu quả đã bộc lộ tính siêu hình. Để phát triển thì phải phủ định, nhưng đó phải là phủ định biện chứng.

Nhận xét về một trường phái triết học bao giờ cũng là một công việc khó khăn và là kết quả nhận thức của một quá trình. Vì vậy, khi đánh giá khoa học về chủ nghĩa thực dụng, một triết học đầy năng động của người Mỹ thì không thể gói lại trong một công trình khoa học nhỏ bé như thế này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tuyển chọn từ tạp chí Người đưa tin UNESCO (2016), *Những vấn đề xuyên thế kỷ* Phòng vấn các nhà hoạt động khoa học, giáo dục, văn hoá nghệ thuật hàng đầu thế giới, Nxb. Thế giới, Hà Nội
2. C.Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 1, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. <https://www.dkn.tv/giao-duc/hoc-tieng-anh/bai-dien-thuyet-truyen-cam-hung-manh-me-cua-tong-thong-trump-dung-bao-gio-bo-cuoc.html>
4. Lưu Phóng Đồng (2004), *Giáo trình hướng tới thế kỷ 21 – Triết học phương Tây hiện đại*, Nxb. Lý luận chính trị, Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Bùi Đăng Duy, Nguyễn Tiến Dũng (2009), *Triết học Mỹ*, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2009
6. Nguyễn Thái Yên Hương (2005), *Liên bang Mỹ: Đặc điểm xã hội – Văn hoá*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội
7. I.R. Kohls (1989), “Người Mỹ sống bằng những giá trị nào”, *Tạp chí Xã hội học*, số 2.
8. *A History of American Philosophy* (1947), Columbia University Press.
9. Angeles, Peter (1992), *Dictionary of Philosophy*, New York Happer Collins Pulishers
10. Rosenbaum, P. (2015), *Make Our Ideas Clear: Pragmatism in Psychoanalyst*, Information Age Publishing.
11. John Dewey (2010), *Dân chủ và giáo dục* (Phạm Anh Tuấn dịch), Nxb Tri thức, Hà Nội

REVISITING AMERICAN PRAGMATISM

Nguyen Tien Dung

University of Sciences, Hue University, 77 Nguyen Hue St., Hue, Vietnam

Abstract. It can be said that pragmatism is a spiritual specialty of the United States of America. Many researchers argue that pragmatism is a miniature of the American history from the day of America's discovery to the early years of the 20th century. For America, pragmatism is one of the factors making up America's identity and culture. For the world, pragmatism is a large philosophical movement and a domain of Western modern culture. Therefore, objectively revisiting pragmatism is to ensure the scientific validity of approaches to Americans, America, and American culture.

Keywords: pragmatism, America value, American culture